|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  TỈNH ĐỒNG NAI  Số: /TTr-UBND  *Dự thảo* | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đồng Nai, ngày tháng năm 2020* |

# **TỜ TRÌNH**

Về việc quy định mức thu Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh Đồng Nai xem xét, thông qua Nghị quyết quy định mức thu phí đối với Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợitrên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm các nội dung cụ thể như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Đánh giá kết quả thực hiện

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và ban hành Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện từ ngày 01/08/2017.

Việc ban hành Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND làcơ sở tổ chức thực hiện thu phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; đồng thờithể hiện việc thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí.

Thực hiện Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 có 04 loại phí cần phải thu (như tại phần tên các loại phí) tương ứng mỗi loại phí có các mức thu phí khác nhau tùy theo từng trường hợp, quy mô, lưu lượng của từng loại phí.Đã tổ chức thu phí với tổng số tiền phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước thu được là **1.701.250.000 đồng***(Chi tiết tại Phụ lục 1)*,số tiền thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự toán đề nghị cấp kinh phí cho công tác thẩm định và tổ chức thu phí.

Công tác thu phí được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định tạo nguồn thu cho ngân sách và đảm bảo chi phí cho hoạt động thẩm định và chi trả lương cho người trực tiếp làm công tác thu phí.

Trong 03 năm thực hiện công tác thu phí cho thấy các tổ chức, cá nhân đều đồng thuận, thống nhất với mức phí đã được UBND tỉnh ban hành và tích cực thực hiện chi trả các khoản phí đề nghị thẩm định, cấp phép các hoạt động về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

**2. Sự cần thiết xây dựng Nghị quyết.**

Ngày 29/11/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(có hiệu lực kể từ ngày 13/01/2020) thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.Căn cứ Khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định *“1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật”.*Theo đó, việc ban hành Nghị quyết quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC là cần thiết.

Việc ban hành Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ các quy định của pháp luật về Phí, Lệ phí. Hơn nữa, việc thu phí là nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước hiệu quả, tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với việc xả thải vào nguồn nước; tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo điều kiện cho cơ quan thu phí có thêm nguồn thu để trang trải cho hoạt động thẩm định và chi cho người làm công tác thu phí.

Để kịp thời triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, việc xây dựng Đề án phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích

Hiện nay, các hoạt động khai thác tài nguyên nước dưới đất, nước mặt ngày càng nhiều, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn tài nguyên nước.Việc khai thác, sử dụng không bền vững là một trong những nguyên nhân gây nên hiện tượng biến đổi khí hậu làm suy kiệt nguồn nước trong hệ thống sông, suối và hồ chứa trên địa bàn cả nước mà đặc biệt cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

Vì vậy,việc thu phí thẩm định là nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước hiệu quả, tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với việc xả thải vào nguồn nước. Đồng thời, để bù đắp chi phí thực hiện công việc thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất;hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

Việc ban hành Nghị quyết quy định về phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước làm cơ sở tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện nghiêm việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về phí.

II. Quan điểm chỉ đạo

Nước ta đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhu cầu sử dụng nước cho phát triển kinh tế, phục vụ dân sinh ngày càng lớn trong khi nguồn nước có hạn, đặt ra yêu cầu mới về chia sẻ nguồn nước. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đòi hỏi phải chuyển dịch cơ cấu sử dụng nước phù hợp. Mặt khác, biến đổi khí hậu đang gây ra nhiều mối đe dọa đến tài nguyên nước. Trước tình hình đó, chúng ta cần củng cố mạnh mẽ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước, hoàn thiện chính sách về quản lý và bảo vệ nguồn nước hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước.

Nhằm thể chế hóa quy định trong công tác bảo vệ nguồn tài nguyên nước, Chính phủ ban hành Nghị định số 201/2013/NĐ/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định về nghĩa vụ của các tổ chức cá nhân trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả thải vào nguồn nước.

C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Triển khai thực hiệnThông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựngĐề ánPhí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợitrình HĐND tỉnh thông quavà thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện thu phí theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND không có ý kiến nào đối với mức thu phí. Qua đánh giá kết quả thu, chi phí thì số tiền thu phí đảm bảo đủ chi phí công tác thẩm định và tổ chức thu phí. Vì vậy, đề án phí lần này giữ nguyênmức thu phí theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND và không thực hiện lấyý kiến của đối tượng bị tác động đối với mức thu phí.

Ngày........, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số ......./STNMT-KHTC gửi lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh. Các ý kiến góp ý đã được tiếp thu chỉnh sửa và giải trình tại Báo cáo số ......./BC-STNMT ngày .........

Thực hiện đúng trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài nguyên và môi trường đã có Văn bản số /STNMT-KHTC ngày / / 2020 đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Đề án, Tờ trình, Nghị quyết trên trang thông tin điện tử tỉnh.

Sau khi hoàn thiện Đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy địnhmức Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Sở Tư pháp và Sở Tài chính thẩm định tại. Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Tư pháp và Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và Tờ trình.

D. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN NGHỊ QUYẾT

**I. Bố cục Nghị quyết**

“Điều 1:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.Các trường hợp không phải nộp phí

3. Tổ chức thu phí

4. Đồng tiền thu phí

5. Mức thu phí

6. Mức trích phí

Điều 2: Tổ chức thực hiện”

II. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi được áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*(Theo quy định tạiĐiều 1 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính và Điều 2 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất và mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước).*

b) Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân hoạt động về tài nguyên nước nộp hồ sơ thẩm định về điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(Theo quy định tạikhoản 12, 13, 14 và 15Điều 2Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính quy định đối tượng nộp phí cấp phép hành nghề, thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước).*

2. Các trường hợp không phải nộp phí

Các trường hợp không phải nộp phí là các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép được quy định tại Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên Nước.

3. Tổ chức thu phí

Cơ quan tổ chức thu Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là *Sở Tài nguyên và Môi trường (theo quy định tại Khoản 2 Điều 28, Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước*).

4. Đồng tiền thu phí

Đồng tiền thu phí: Đồng Việt Nam (VNĐ).

5. Mức thu phí

a) Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/đề án, báo cáo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số TT | Nội dung thu | Mức thu |
| 1 | Thẩm định thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 2 | Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |
| 3 | Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 4 | Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |
| 5 | Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 6 | Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô từ 200 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |

b) Thẩm định đề án, báo cáo, khai thác, sử dụng nước mặt (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/đề án, báo cáo*

| Số  TT | Nội dung thu | Mức thu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt *(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)* | 7.500.000 |
| 2 | Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt *(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)* | 7.500.000 |

c) Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung).

*Đơn vị tính: đồng/đề án, báo cáo*

| Số  TT | Nội dung thu | Mức thu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng dưới 200 m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 2 | Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng từ 200 m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |
| 3 | Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản *(với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm)* | 7.500.000 |

d) Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (thẩm định lần đầu, gia hạn, điều chỉnh, bổ sung)

*Đơn vị tính: đồng/hồ sơ*

| Số  TT | Nội dung thu | Mức thu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thẩm định hồ sơhành nghề khoan nước dưới đấtvới quy mô nhỏ*(có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m3/ngày đêm)* | 2.500.000 |
| 2 | Thẩm định hồ sơhành nghề khoan nước dưới đấtvới quy mô vừa*(có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm)*. | 7.500.000 |

6. Mức trích phí

Căn cứ Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước. Vậy cơ quan thu phí nộp 100% số tiền thu phí vào ngân sách nhà nước tỉnh. Chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định.

**7.Tổ chức thực hiện**

Sau khi quy định mức thu Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất;khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua và bãi bỏ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thu phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế Đồng Nai, Sở Thông tin - Truyền thông, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định và bãi bỏ Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 về việc quy định phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức thu phí cho phù hợp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Văn phòng Tỉnh ủy;  - Văn phòng HĐND tỉnh;  - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;  - Sở Tài nguyên và Môi trường;  - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;  - Lưu VT, TH,KT.  *ThaiTM* | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** KT.CHỦ TỊCH  PHÓ CHỦ TỊCH |